

THỐNG KÊ NHÂN VIÊN Y TẾ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ PHƯỚC LONG

(Ban hành kèm theo công văn số 751/BHXH-gđYT ngày 21/11/2018 của BHXH Việt Nam)

TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Thời gian làm việc	Thời gian làm việc theo ngày trong tuần	Thời gian làm việc theo giờ trong ngày	Khoa/ Bộ phận	Chứng chỉ khác	Chức danh	TT ĐK hành nghề tại CS KCB khác (nếu có)
1	Lê Thanh Long	BSCKII	Chuyên khoa nội tổng hợp	000132/BP-CCHN	31052012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	BGD		GD-BTCB	
2	Nguyễn Ngọc Phương	BSCKI	Chuyên khoa nội tổng hợp	000262/BP-CCHN	13072012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	BGD		PGĐ	
3	Phạm Đức Thành	CN CDHA	chuyên khoa CDHA	000091/BP-CCHN	31052012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	BGD		PGĐ	
4	Nguyễn Bảo Chiêu	BSCKI	Chuyên khoa nội tổng hợp	000328/BP-CCHN	13072012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	BGD		PGĐ	
5	Đinh Ngọc Toàn	BSĐK	Chuyên khoa nội tổng hợp	000140/BP-CCHN	31052012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa XN& CDHA	CC Siêu âm	Nhân viên	
6	Nguyễn Thành Chánh	BSĐK	chuyên khoa CDHA	000311/BP-CCHN	13072012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Khám Bệnh	CC XQ	Nhân viên	
7	Tổng Thị Hào	KTVXN	Thực hiện KT chuyên môn về XN	000357/BP-CCHN	13072012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa XN& CDHA		Nhân viên	
8	Trần Nhật Phương	KTVXQ	chuyên khoa CDHA	000739/BP-CCHN	07012013	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa XN& CDHA		Nhân viên	
9	Đặng Thị Bích	ĐDTH	ĐDTH	000743/BP-CCHN	07012013	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Khám Bệnh		Nhân viên	

TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Thời gian làm việc	Thời gian làm việc theo ngày trong tuần	Thời gian làm việc theo giờ trong ngày	Khoa/ Bộ phận	Chứng chỉ khác	Chức danh	TT ĐK hành nghề tại CS KCB khác (nếu có)
10	Nguyễn Văn Tý	CN KTV	Thực hiện KT chuyên môn về XN	000374/BP-CCHN	13/07/2012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa XN& CDHA		P.T. K. XN,CDH A	
11	Nguyễn Văn Hà	BSĐK	Chuyên khoa nội tổng hợp	000727/BP-CCHN	31/05/2012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Khám Bệnh	CC Nội soi	PK. Khám Bệnh	
12	Đặng Anh Tuấn	BSĐK	Khám chữa bệnh Đa khoa	000136/BP-CCHN	24/04/2012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Khám Bệnh		Nhân viên	
13	Nguyễn Thị Duyên	KTVXN	Thực hiện KT chuyên môn về XN	001074/BP-CCHN	27/02/2008	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa XN& CDHA		Nhân viên	
14	Nguyễn Thị Thu	Y sĩ	Khám chữa bệnh Đa khoa	000773/BP-CCHN	12/11/2012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	K. Khám Bệnh		Nhân viên	
15	Phạm Thị Hiền Duyên	ĐDTH	ĐDTH, ĐD dụng cụ NS	000773/BP-CCHN	31/11/2016	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa XN& CDHA		Nhân viên	
16	Đinh Văn Chung	ĐDTH	ĐDTH	002224/BP-CCHN	31/05/2012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa XN& CDHA		Nhân viên	
17	Võ Thị Thu Hằng	YSDK	Khám chữa bệnh Đa khoa	000775/BP-CCHN	31/05/2012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Khám Bệnh		Nhân viên	
18	Trần Lệ Ngọc Nhung	YSDK	YSDK, ĐD TMH	000776/BP-CCHN	31/05/2012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Khám Bệnh		Nhân viên	
19	Nguyễn Nhật Trường	YSDK	Khám chữa bệnh Đa khoa	000772/BP-CCHN	25/03/2015	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa HSCC		Nhân viên	
20	Trần Thị Ngọc	KTVXN	Thực hiện KT chuyên môn về XN	000815/BP-CCHN	13/07/2012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa HSCC		Nhân viên	

TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Thời gian làm việc	Thời gian làm việc theo ngày trong tuần	Thời gian làm việc theo giờ trong ngày	Khoa/ Bộ phận	Chứng chỉ khác	Chức danh	TT ĐK hành nghề tại CS KCB khác (nếu có)
21	Bùi Thị Loan	BDTH	BDTH	000744/BP-CCHN	31052012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	K. Khám Bệnh		Nhân viên	
22	Phạm Thị Liên	BDTH	BDTH	000732/BP-CCHN	14072014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	K. Khám Bệnh		Nhân viên	
23	Đỗ Quang Trung	DSDH	Dược sĩ	507/2010/CC HN	31052012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa dược - TTb-VTYT		Trưởng khoa	
24	Nguyễn Thị Ngọc Sương	DSTH	Dược sĩ	40/2012/CC HND	13072012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa dược - TTb-VTYT		Nhân viên	
25	Võ Thị Thùy Phương	DSTH	Dược sĩ	95/QĐ-SYT	13072012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa dược - TTb-VTYT		Nhân viên	
26	Nguyễn Thị Bích Đào	DSTH	Dược sĩ	151/2012/CC HND	25062014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa dược - TTb-VTYT		Nhân viên	
27	Lê Thị Hồng Thắm	DSDH	Dược sĩ	001195/BP-CCHN	10022015	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	P. KHNv		Nhân viên	
28	Lý Thanh Minh	BSDK	Chuyên khoa nội tổng hợp	000134/BP-CCHN	24112016	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Khám Bệnh		TK. Khám bệnh	
29	Nguyễn Văn Hiền	BSDK	Chuyên khoa nội tổng hợp	000263/BP-CCHN	21082015	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Nội tổng hợp		Phó trưởng khoa	
30	Đỗ Thị Nghĩa	BDTH	BDTH	000742/BP-CCHN	26072017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CCHS		ĐD.Tr	
31	Tạ Ngọc Thanh	BSDK	Chuyên khoa nội tổng hợp	000133/BP-CCHN	12052014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CCHS		Phó trưởng khoa	
32	Nguyễn Thị Khuyên	BDTH	BDTH	000736/BP-CCHN	12052014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CCHS		Nhân viên	
33	Lê Thị Hào	BDTH	BDTH	000740/BP-CCHN	22122014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	P. ĐD		Nhân viên	
34	Đinh Thị Huyền	BDTH	BDTH	000708/BP-CCHN	12052014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CCHS		Nhân viên	

TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Thời gian làm việc	Thời gian làm việc theo ngày trong tuần	Thời gian làm việc theo giờ trong ngày	Khoa/Bộ phận	Chứng chỉ khác	Chức danh	TT ĐK hành nghề tại CS KCB khác (nếu có)
35	Hoàng Thị Minh Hằng	ĐDTH	ĐDTH	000724/BP-CCHN	11/01/2018	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CCHS		Nhân viên	
36	Nguyễn Khánh Vinh	BS YHCT	khám chữa bệnh bằng YHCT	002634/BP-CCHN	21/09/2015	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa YHCT & PHCN		Nhân viên	
37	Lương Văn Anh	YS ĐY	Y học cổ truyền	000875/BP-CCHN	12/05/2014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa YHCT & PHCN		Nhân viên	
38	Phạm Thị An	BSĐK	Chuyên khoa nội tổng hợp	000272/BP-CCHN	19/05/2017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa nội tổng hợp		Nhân viên	
39	Nguyễn Thị Trí	ĐDTH	ĐDTH	000750/BP-CCHN	27/02/2014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa nội tổng hợp		Nhân viên	
40	Nguyễn Thị Tâm (kn)	ĐDTH	ĐDTH	000748/BP-CCHN	10/02/2015	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa nội tổng hợp		Nhân viên	
41	Nguyễn Thị Tâm (ĐY)	ĐDTH	ĐDTH	000181/BP-CCHN	25/06/2014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa YHCT & PHCN		Nhân viên	
42	Nguyễn Thị Hiền	ĐDTH	ĐDTH	000749/BP-CCHN	24/08/2015	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa XN&CDHA		Nhân viên	
43	Nguyễn Thị Kim Oanh	ĐDTH	ĐDTH	000808/BP-CCHN	31/05/2012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa nội tổng hợp		Nhân viên	
44	Đỗ Thị Hiền	ĐDTH	ĐDTH	000709/BP-CCHN	29/04/2016	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa nội tổng hợp		Nhân viên	
45	Nguyễn Thị Chanh	ĐDTH	ĐDTH	000877/BP-CCHN	12/05/2014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa nội tổng hợp		Nhân viên	
46	Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	ĐDTH	ĐDTH	000745/BP-CCHN	12/05/2014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa nội tổng hợp		Nhân viên	
47	Đặng Thị Kim Thảo	ĐDTH	ĐDTH	000757/BP-CCHN	12/05/2014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa nội tổng hợp		Nhân viên	
48	Trần Thị Định	ĐDTH	ĐDTH	0001946/BP-CCHN	13/07/2012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Nhi		Nhân viên	

TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Thời gian làm việc	Thời gian làm việc theo ngày trong tuần	Thời gian làm việc theo giờ trong ngày	Khoa/ Bộ phận	Chứng chỉ khác	Chức danh	TT ĐK hành nghề tại CS KCB khác (nếu có)
49	Phạm Thị Thu Điểm	DDTH	DDTH	000747/BP-CCHN	31052012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa nội tổng hợp		Nhân viên	
50	Trương Thị Hồng Thắm	DDTH	DDTH	000170/BP-CCHN	20052015	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa KSNK		Nhân viên	
51	Lại Thị Xuyên	DDTH	DDTH	000698/BP-CCHN	16122015	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Nhi		Nhân viên	
52	Đặng Thị Ngọc Phương	YSDK	Khám chữa bệnh Đa khoa	000764/BP-CCHN	14072014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Nhi		Nhân viên	
53	Nguyễn T Đa Kim Ngân	DDTH	DDTH	000721/BP-CCHN	12052014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Nhi		Nhân viên	
54	Trương Thị Mỹ Phương	NHSTH	NHSTH	000367/BP-CCHN	31052012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CSSKSS		Nhân viên	
55	Trần Thị Tươi	NHSTH YSSN	NHSTH	000819/BP-CCHN	29122017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CSSKSS		Phó trưởng khoa	
56	Lê Thị Hạnh Nhân	NHSTH	NHSTH	000687/BP-CCHN	12052014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CSSKSS		Nhân viên	
57	Nguyễn Thị Lan	NHSTH	NHSTH	000686/BP-CCHN	26082014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CSSKSS		Nhân viên	
58	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	NHSTH	NHSTH	000693/BP-CCHN	26052014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CSSKSS		Nhân viên	
59	Lê Minh Hiếu	NHSTH	NHSTH	000688/BP-CCHN	20092016	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CSSKSS		Nhân viên	
60	Trần Thị Hải Yến	NHSTH	NHSTH	000690/BP-CCHN	12052014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CSSKSS		Nhân viên	
61	Lộc Thị Bích	NHSTH	NHSTH	000685/BP-CCHN	12052014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CSSKSS		Nhân viên	
62	Trần Thị Thanh Hương	NHSTH	NHSTH	000368/BP-CCHN	25062014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CSSKSS		Nhân viên	

TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Thời gian làm việc	Thời gian làm việc theo ngày trong tuần	Thời gian làm việc theo giờ trong ngày	Khoa/ Bộ phận	Chứng chỉ khác	Chức danh	TT ĐK hành nghề tại CS KCB khác (nếu có)
75	Điền Páp	EDTH	EDTH	000723/BP-CCHN	25122017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Ngoại tổng hợp		Nhân viên	
76	Lê Thị Hương	EDTH	Ngoại khoa	000725/BP-CCHN	25122017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Ngoại tổng hợp		Nhân viên	
77	Nguyễn Thị Ngọc Dung	NHSTH (KTVGM)	Phụ sản	001839/BP-CCHN	25122017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa KB tổng hợp		Nhân viên	
78	Nguyễn Thị Diễm	CDBD	EDTH	000737/BP-CCHN	25122017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Ngoại tổng hợp		Nhân viên	
79	La Đình Quảng	Bác sĩ đa khoa	Khám chữa bệnh Đa khoa	000737/BP-CCHN	29052017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Ngoại tổng hợp		Nhân viên	
80	Huỳnh Nguyễn Di Nhã	EDTH	EDTH	000728/BP-CCHN	25122017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	P. KHTH		Nhân viên	
81	Lại Thị Minh Hồng	BSDK	Khám chữa bệnh Đa khoa	003271/BP-CCHN	19012018	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CCHS	Siêu âm TNT	Nhân viên	
82	Hồ Thị Thu Hồng	EDTH	EDTH	000741/BP-CCHN	25122017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	P. DD		TPDD	
83	Bùi Thị Hiền	CNBD	CNBD	000726/BP-CCHN	19012018	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	P. DD		Phó trưởng phòng	
84	Lê Hoàng Thái	Bác sĩ dự phòng	Bác sĩ dự phòng	003396/BP-CCHN	21092018	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa KSBT - HIV/AIDS		Nhân viên	
85	Nguyễn Hữu Thống	Bác sĩ YHCT	Khám chữa bệnh bằng YHCT	002717/BP-CCHN	26082014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa YHCT & PHCN		Phó trưởng khoa	
86	Nguyễn Thị Minh Thư	Bác sĩ đa khoa	Khám chữa bệnh Đa khoa	3628/BP-CCHN	12012015	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa NHI		Nhân viên	

TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Thời gian làm việc	Thời gian làm việc theo ngày trong tuần	Thời gian làm việc theo giờ trong ngày	Khoa/ Bộ phận	Chứng chỉ khác	Chức danh	TT ĐK hành nghề tại CS KCB khác (nếu có)
87	Phạm Hữu Hòa	BDCD	BDCD	001403/BP-CCHN	25052018	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Ngoại tổng hợp		Nhân viên	
88	Nguyễn Thị Thảo	BDTH	BDTH	0001522/BP-CCHN	25052018	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa KB		Nhân viên	
89	Phạm Thị Phương Hậu	BDTH	BDTH	0002460/BP-CCHN	25052018	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CCHS		Nhân viên	
90	Hoàng Thị Minh Trang	BDTH	BDTH	0001539/BP-CCHN	26032018	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa KB		Nhân viên	
91	Điền Thị Trang	Y sĩ	Khám chữa bệnh Đa khoa	3821/BP-CCHN	11012018	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa KB		Nhân viên	
92	Nguyễn Thị Thắm	BDTH	BDTH	000722/BP-CCHN	07022018	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Ngoại tổng hợp		Nhân viên	
93	Nguyễn Thị Liễu	BDTH	BDTH	000735/BP-CCHN	25122017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Nhi		Nhân viên	
94	Trương Thị Ngọc Trang	BDTH	BDTH	000754/BP-CCHN	07012013	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa nội tổng hợp		Nhân viên	
95	Trần Thị Hương	BDTH	BDTH	0002871/BP-CCHN	21092015	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	P.KHNV		Nhân viên	
96	Nguyễn Thị Ngọc	Y sĩ	Khám chữa bệnh Đa khoa	000768/BP-CCHN	12052014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CCHS		Nhân viên	
97	La Ngọc Minh Khôi	CDHA CD	chuyên khoa CDHA	001617/BP-CCHN	19052017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa XN-CDHA		Nhân viên	
98	Lê Ngọc Phúc	Y sĩ	Khám chữa bệnh Đa khoa	003564/BP-CCHN	27022014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CCHS		Nhân viên	
99	Trần Hoàng Mai Lan	BDTH	BDTH	001215/BP-CCHN	10022015	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa khám bệnh		Nhân viên	
100	Nguyễn Thị Thùy Dung	BDTH	Nội khoa	0002602/BP-CCHN	25062014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa nội tổng hợp		Nhân viên	

TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Thời gian làm việc	Thời gian làm việc theo ngày trong tuần	Thời gian làm việc theo giờ trong ngày	Khoa/ Bộ phận	Chứng chỉ khác	Chức danh	TT ĐK hành nghề tại CS KCB khác (nếu có)
101	Nguyễn Thị Thoa	Trung cấp hộ sinh	Phụ sản	0001872/BP-CCHN	24082015	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CSSKSS		Nhân viên	
102	Nguyễn Thị Thủy	Trung cấp hộ sinh	Phụ sản	0002838/BP-CCHN	31052012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CSSKSS		Nhân viên	
103	Nhâm Sỹ Hà	BSDK	Khám chữa bệnh Đa khoa	003269/BP-CCHN	29042016	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa KSBT-HIV/AIDS	Chuyên khoa mắt	Phó trưởng khoa	
104	Mai Văn Thống	YSDK	Nội khoa	000122/BP-CCHN	12052014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa KSBT-HIV/AIDS		P.Khoa	
105	Mai Văn Thắng	Y sĩ	Khám chữa bệnh Đa khoa	003139/BP-CCHN	12052014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa KSBT-HIV/AIDS		Nhân viên	
106	Lê Thị Thúy Sinh	Y sĩ	Khám chữa bệnh Đa khoa	001633/BP-CCHN	12052014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT P. L Phước		Phó trưởng trạm	
107	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Y sĩ	Nội khoa	001439/BP-CCHN	13072012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT P. L Phước		Nhân viên	
108	Lê Thị Thảo Hân	DSTH	Dược sỹ	000358/BP-CCHN	31052012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT P. L Phước		Nhân viên	
109	Đỗ Thị Hằng	NHSTH	Phụ sản	000328/BP-CCHN	20052015	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT P. L Phước		Nhân viên	
110	Trương Thị Oanh	YSSN	Nội khoa	000195/BP-CCHN	16122015	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT P. P. Bình		Quyền điều hành TYT	
111	Vũ Thị Hồng Ân	Y sĩ	Nội khoa	002663/BP-CCHN	14072014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT P. P. Bình		Nhân viên	
112	Nguyễn Thị Quyết	NHSTH	Phụ sản	003066/BP-CCHN	12052014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT P. P. Bình		Nhân viên	
113	Võ Thị Thu Thủy	DSTH	Dược sỹ	000347/BP-CCHN	31052012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT P. P. Bình		Nhân viên	

TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Thời gian làm việc	Thời gian làm việc theo ngày trong tuần	Thời gian làm việc theo giờ trong ngày	Khoa/ Bộ phận	Chứng chỉ khác	Chức danh	TT ĐK hành nghề tại CS KCB khác (nếu có)
114	Phạm Thị Hằng	BSDK	Khám chữa bệnh Đa khoa	003287/BP-CCHN	29122017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT P. Phước Tín		Phó trưởng trạm	
115	Trần Thị Hồng Nguyệt	Y sĩ	Nội khoa	002082/BP-CCHN	12052014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT P. Phước Tín		Nhân viên	
116	Phạm Thị Lan	EDTH	EDTH	001530/BP-CCHN	26082014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT P. Phước Tín		Nhân viên	
117	Võ Thị Thu Nga	NHSTH	Phụ sản	000221/BP-CCHN	26052014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT P. Phước Tín		Nhân viên	
118	Nguyễn Thị Nghi Trung	DSDH	Dược sĩ	2124/CCHN-D-SYT-HCM	20092016	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa được - TTB-VITYT		Phó trưởng khoa	
119	Đàm Đức Trung	DSTH	Dược sỹ	000319/BP-CCHN	12052014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT P. Phước Tín		Nhân viên	
120	Phạm Thị Kim Cúc	Bác sĩ CKI	Chuyên khoa phụ sản	002152/BP-CCHN	12052014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CSSKSS		Trưởng khoa	
121	Lại Kỳ Nam	Bác sĩ	khám chữa bệnh chuyên khoa ngoại khoa	001695/BP-CCHN	25062014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa ngoại tổng hợp		Trưởng khoa	
122	Nguyễn Ngọc Thuận	Bác sĩ CKI	Khám chữa bệnh Đa khoa	003310/BP-CCHN	24082015	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Nhi		Trưởng khoa	
123	Đinh Thị Kim Yến	Y sĩ	YHCT	001636/BP-CCHN	25062014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa YHCT & PHCN		Nhân viên	
124	Đinh Thị Hương	Y sĩ	khám chữa bệnh chuyên khoa ngoại khoa	001448/BP-CCHND	31052012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT Phước Bình		Nhân viên	

TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Thời gian làm việc	Thời gian làm việc theo ngày trong tuần	Thời gian làm việc theo giờ trong ngày	Khoa/ Bộ phận	Chứng chỉ khác	Chức danh	TT ĐK hành nghề tại CS KCB khác (nếu có)
125	Nguyễn Trần Thị Quỳn	Dược sĩ TH	Dược sĩ	407/BP-CCHND	25062014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT Phước Bình		Nhân viên	
126	Phan Hoài Thanh	Dược sĩ TH	Dược sĩ	806/BP-CCHND	25062014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT Long Thủy		Nhân viên	
127	Phí Thị Thành	Y sĩ	YHCT	0001908/BP-CCHN	25062014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT Long Thủy		Nhân viên	
128	Đàm Thị Thúy	HSTH	Phụ sản	000227/BP-CCHN	25062014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT Long Thủy		Trưởng trạm	
129	Nguyễn Thị Nữ	HSTH	Phụ sản	0001869/BP-CCHN	12052014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT Long Thủy		Nhân viên	
130	Ngô Thị Thanh Thảo	HSTH	Phụ sản	0001877/BP-CCHN	12052014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT Thác Mơ		Nhân viên	
131	Trần Thị Hải Yến	Y sĩ	Đa khoa	0001662/BP-CCHN	12052014	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT Thác Mơ		Nhân viên	
132	Khuất Thị Nhân	Y sĩ	YHCT	0001909/BP-CCHN	31052012	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT Thác Mơ		Trưởng Trạm	
133	Nguyễn Thị Na	HSTH	Phụ sản	001628/BP-CCHN	18082017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT Sơn Giang		Phó Trạm	
134	Trần Thị Bích Loan	Dược sĩ TH	Dược sĩ	174/BP-CCHND	25122017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	TYT Sơn Giang		Nhân viên	
135	Đặng Thị Nhân	HSTH	Phụ sản	001481/BP-CCHN	25122017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CSSKSS		Nhân viên	
136	Nguyễn Thị Oanh	HSTH	Phụ sản	001480/BP-CCHN	25122017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CSSKSS		Nhân viên	
137	Nguyễn Thị Phương	HSTH	Phụ sản	0001977/BP-CCHN	25122017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CSSKSS		Nhân viên	
138	Đỗ Thùy Như Quỳnh	DSDH	Dược sĩ	0412/CCHN-D-SYT-HCM	29052017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa được -TTB-VTTYT		Nhân viên	
139	Nông Văn Thọ	YSDK	Đa khoa	0002353/BP-CCHN	25122017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa KSBT-HIV/AIDS		Nhân viên	

TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Thời gian làm việc	Thời gian làm việc theo ngày trong tuần	Thời gian làm việc theo giờ trong ngày	Khoa/Bộ phận	Chứng chỉ khác	Chức danh	TT ĐK hành nghề tại CS KCB khác (nếu có)
140	Nguyễn Thị Như Quỳnh	ĐDCĐ	Điều dưỡng	3794/BP-CCHN	19012018	Toàn thời gian	2,3,4,5,6,7,CN	0000-2400	Khoa CCHS		Nhân viên	
141	Bùi Thanh Vân	ĐDDH	Điều dưỡng	3796/BP-CCHN	25122017	Toàn thời gian	2,3,4,5,6,7,CN	0000-2400	Khoa CCHS		Nhân viên	
142	Phạm Thị Mỹ Ngân	ĐDCĐ	Điều dưỡng	3795/BP-CCHN	19012018	Toàn thời gian	2,3,4,5,6,7,CN	0000-2400	Khoa nội tổng hợp		Nhân viên	
143	Nguyễn Thị Thạo	Y sĩ	Đa khoa	3792/BP-CCHN	21092018	Toàn thời gian	2,3,4,5,6,7,CN	0000-2400	Khoa HCCHS		Nhân viên	
144	Hoàng Thị Huệ	ĐDTH	Điều dưỡng	005860/BD-CCHN	26082014	Toàn thời gian	2,3,4,5,6,7,CN	0000-2400	Khoa KB		Nhân viên	
145	Nguyễn Thị Tinh	Y sĩ	Đa khoa	3788/BP-CCHN	12012015	Toàn thời gian	2,3,4,5,6,7,CN	0000-2400	Khoa KB		Nhân viên	
146	Nguyễn Thị Phương Hoa	ĐDTH	Điều dưỡng	3831/BP-CCHN	25052018	Toàn thời gian	2,3,4,5,6,7,CN	0000-2400	Khoa CCHS		Nhân viên	
147	Lê Thị Như Lê	ĐDTH	Điều dưỡng	3793/BP-CCHN	25052018	Toàn thời gian	2,3,4,5,6,7,CN	0000-2400	Khoa CCHS		Nhân viên	
148	Nông Hoài Nương	NHSDH	Phụ sản	3833/BP-CCHN	25052018	Toàn thời gian	2,3,4,5,6,7,CN	0000-2400	Khoa CSSKSS		Nhân viên	
149	Từ Thị Tuyết	NHSTH	HSTH	0002884/BP-CCHN	26032018	Toàn thời gian	2,3,4,5,6,7,CN	0000-2400	Khoa CSSKSS		Nhân viên	
150	Nguyễn Đăng Dũng	Lương y	YHCT	0002155/BP-CCHN	11012018	Toàn thời gian	2,3,4,5,6,7,CN	0000-2400	Khoa YHCT-PHCN		Nhân viên	
151	Nguyễn Thị Loan	ĐDTH	Điều dưỡng	000734/BP-CCHN	07022018	Toàn thời gian	2,3,4,5,6,7,CN	0000-2400	Khoa Nhi		Nhân viên	
152	Hồ Thị Mỹ Nga	DSTH	Dược sĩ	598/BP-CCHND	25122017	Toàn thời gian	2,3,4,5,6	0000-2400	Khoa dược - TTB-VTYT		Nhân viên	
153	Lê Phước Thu Trang	BSDK	Khám chữa bệnh Đa khoa	3963/BP-CCHN	25052018	Toàn thời gian	2,3,4,5,6	0000-2400	K Nhi		Nhân viên	

TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Thời gian làm việc	Thời gian làm việc theo ngày trong tuần	Thời gian làm việc theo giờ trong ngày	Khoa/ Bộ phận	Chứng chỉ khác	Chức danh	TT ĐK hành nghề tại CS KCB khác (nếu có)
154	Đỗ Thị Vân Anh	BSDK	Khám chữa bệnh Đa khoa	3964/BP-CCHN	25052018	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6	0000-2400	K Nhi		Nhân viên	
155	Nguyễn Thị Mãi	BSDK	Khám chữa bệnh Đa khoa	3950/BP-CCHN	25052018	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6	0000-2400	K HSCC		Nhân viên	
156	Nguyễn Văn Huy	BSDK	Khám chữa bệnh Đa khoa	3889/BP-CCHN	26032018	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6	0000-2400	K HSCC		Nhân viên	
157	Vũ Ngọc Tuấn	BS Dự phòng	BS Dự phòng		11012018	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6	0000-2400	Khoa KSBT - HIV/AIDS		Nhân viên	
158	Hoàng Thị Hải Yến	CN XNYYH	Thực hiện KT chuyên môn về XN	3889/BP-CCHN	07022018	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6	0000-2400	Khoa XN& CDHA		Nhân viên	
159	Lê Viết Thương	YSDK	YSDK	3822/BP-CCHN	25122017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Ngoại		Nhân viên	
160	Đàm Thị Lê	CBDĐ	CBDĐ	3822/BP-CCHN	07022018	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	P.KHNV		Nhân viên	
161	Nguyễn T. Hồng Phong	YSDY	YS đông y		25122017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Sản		Nhân viên	
162	Dương Mạnh Hùng	BSDK	Khám chữa bệnh Đa khoa		07022018	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Ngoại tổng hợp		Nhân viên	
163	Phạm Đức Trọng	BSDK	Khám chữa bệnh Đa khoa		25122017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CCHS		Nhân viên	
164	Lý Phước Vinh	BSDK	Khám chữa bệnh Đa khoa		07022018	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa CCHS	CC SIÊU ÂM	Nhân viên	

TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Thời gian làm việc	Thời gian làm việc theo ngày trong tuần	Thời gian làm việc theo giờ trong ngày	Khoa/ Bộ phận	Chứng chỉ khác	Chức danh	TT ĐK hành nghề tại CS KCB khác (nếu có)
165	Trần Quang Thắng	BSDK	Khám chữa bệnh Đa khoa		25122017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Nội tổng hợp		Nhân viên	
166	Lương Xuân Cảnh	ĐDTH	Điều dưỡng	000710/BP-CCHN	07022018	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa HSCC		Nhân viên	
167	Phạm Thị Mỹ Ngân	Cao đẳng điều dưỡng	Cao đẳng điều dưỡng	3795/BP-CCHN	25122017	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa HSCC		Nhân viên	
168	Nguyễn Thị Đa Kim Ngân	ĐDTH	ĐDTH	000721/BP-CCHN	07012013	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	Khoa Nhi		Nhân viên	
169	Mai Thị Thu Thủy	DSDH	DSDH	634/BP-CCHND	23032015	Toàn thời gian	2,3,4,5, 6,7,CN	0000-2400	P. TCHC		P.P TCHC	

Tổng số đăng ký hành nghề: 162 người, trong đó:

1. Bác sỹ: 29 người (toàn thời gian: 29 người, bán thời gian: 0 người)
2. Y sỹ: 27 người (toàn thời gian: 27 người, bán thời gian: 0 người)
3. Kỹ thuật viên: 11 người (toàn thời gian: 11 người, bán thời gian: 0 người)
4. Điều dưỡng: 50 người (toàn thời gian: 50 người, bán thời gian: 0 người)
5. Nữ Hộ sinh: 27 người (toàn thời gian: 27 người, bán thời gian: 0 người)
6. Dược sỹ: người 18 (toàn thời gian: 18 người, bán thời gian: 0 người)

Phước Long ngày 15 tháng 12 năm 2018

